

CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016

Tp HCM, tháng năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM
VIET NAM BLANKET WOOL COMPANY

Phụ lục số IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM**
Năm báo cáo 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 413004578
- Vốn điều lệ: 41.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 63 Hồ Bá Phấn – Phước Long A- Quận 9 – TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08. 37313218 – 08. 37313031
- Số fax: 08.37313139
- Website: <http://www.lenvietnam.com>
- Mã cổ phiếu (nếu có): LVN

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: (*ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay*).

+ Ngày thành lập : Ngày 06 tháng 04 năm 2006

- Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (*Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất*).

+ Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu len (bao gồm len từ lông thú, từ sợi tổng hợp), các sản phẩm từ len, thêu đan, may mặc, nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa khác có liên quan đến len, thêu đan, may mặc;

- **Địa bàn kinh doanh:** (*Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất*).

+ Thành phố Hồ Chí Minh. (sản xuất và kinh doanh)

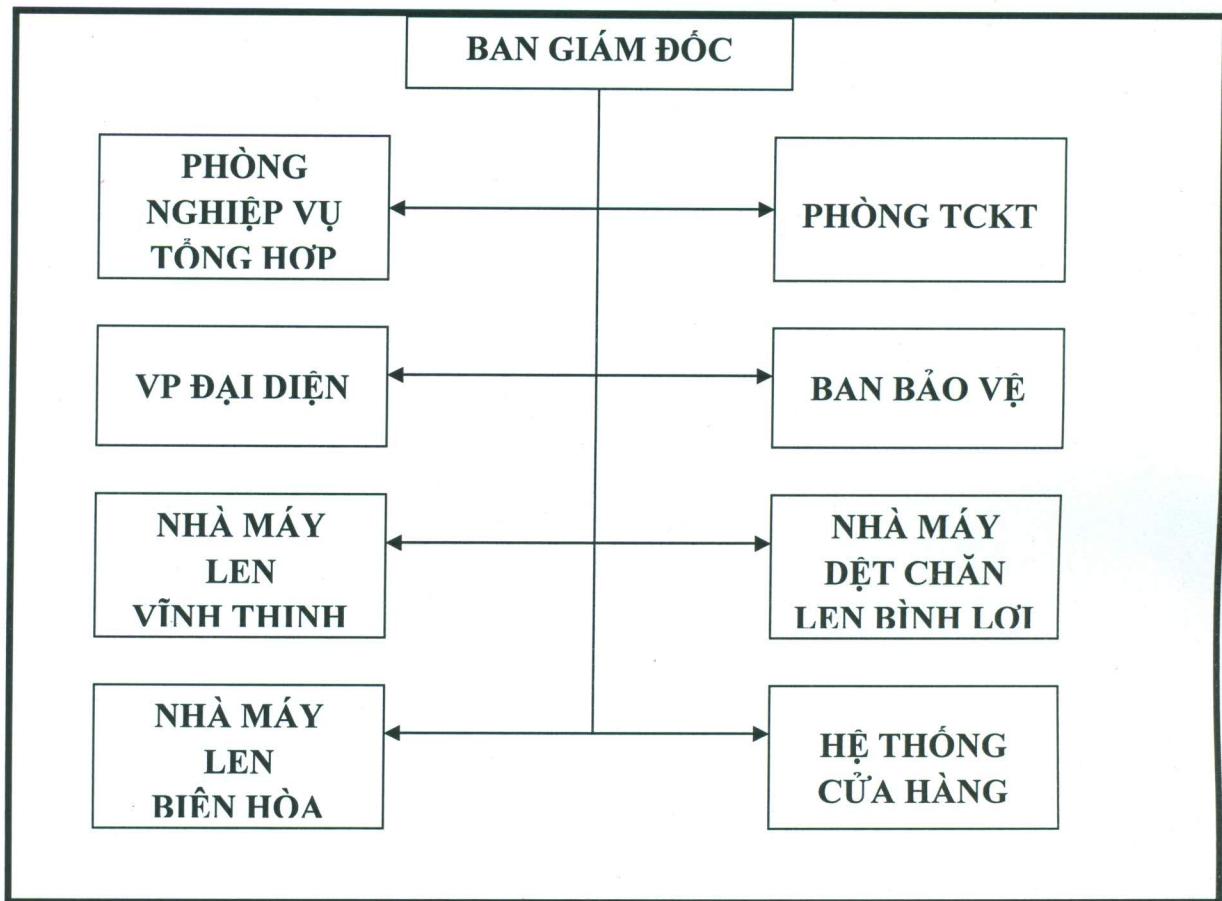
- + Thành phố Biên Hòa , Tỉnh Đồng Nai (Chủ yếu sản xuất)
- + Các tỉnh thành phía nam (chủ yếu tiêu thụ sản phẩm)
- + Thị Trường Hà Lan (Chủ yếu tiêu thị mèn DA)

4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị.

Bao gồm : Đại hội đồng cổ đông ; Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát , Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý.



5- Định hướng phát triển

I. Định hướng phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017

1. Về việc trả nợ vay:

- Uu tiên tìm nguồn tài chính để trả các khoản nợ vay để giảm nhanh chi phí trả lãi vay. Biện pháp cấp bách là cần nhanh chóng thanh lý toàn bộ hàng hóa tồn kho, các máy móc thiết bị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ vay.

- Việc thanh lý hàng hóa tồn kho phải tuân thủ các thủ tục đúng qui định: Ban thanh lý chịu trách nhiệm chào bán, chọn lọc người mua, đàm xuất giá bán,...; trình HĐQT công ty; và trình HĐQT Tập đoàn dệt may Việt Nam (thông qua người ĐDV).

2. Về cơ cấu lại khu vực sản xuất và đơn giá gia công:

- Chấm dứt SXKD các đơn vị, các địa điểm không đạt hiệu quả: Nhà máy Bình Lợi, cửa hàng 237 Lê Thánh Tôn.
- Cải tổ khu vực đan len nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Xây dựng lại giá bán, giá gia công đối với xưởng đan len, xưởng sợi xe,... với mục tiêu chỉ sản xuất, gia công khi có đơn đặt hàng đảm bảo hiệu quả ; Không sản xuất khi chưa có đơn đặt hàng, không sản xuất lỗ.
- Giá gia công đã được đàm phán lại tăng từ 10% ~ 30%, nguồn hàng ổn định;
- Thương lượng đàm phán lại giá nguyên vật liệu đầu vào, mục tiêu giảm tối thiểu 10%

3. Về đầu tư, phát triển:

- Về nguồn vốn:

Sau khi thanh lý hàng hóa, tài sản,... để trả hết nợ vay, *nếu công ty vượt qua được những vấn đề liên quan đến nợ nần đã được giải quyết ổn thỏa, công ty sẽ tiến hành cơ cấu lại nguồn vốn CSH bằng cách huy động vốn mới từ nhiều nguồn (nhà đầu tư mới, nguồn tín dụng mới), dưới nhiều hình thức (trực tiếp, gián tiếp, liên doanh, liên kết,...) nhằm mục đích tái đầu tư, phục hồi sản xuất với cơ cấu mặt hàng mới phù hợp với thị trường, khách hàng tiềm năng, như: sản xuất sợi len chải kỹ; sợi len chải thô; các loại sợi len đặc biệt có giá trị cao,...*

- Về đầu tư dự án:

- Trên cơ sở các thiết bị kéo sợi hiện có, công ty sẽ tiến hành cải tạo, nâng cấp các thiết bị cũ và bổ sung thiết bị mới để hình thành một dây chuyền sợi chải kỹ. Dự kiến dây chuyền này có công suất khoảng 300 tấn/năm, tổng mức đầu tư khoảng 2,0 triệu USD, bao gồm cả phần cải tạo nhà xưởng.
- Đánh giá lại toàn bộ Nhà máy đan len để tiến hành nâng cấp và bổ sung thiết bị hiện đại, nhằm cạnh tranh và giảm giá thành sản phẩm. Dự kiến mức đầu tư cho dự án này khoảng 1,0 triệu USD.

- Nghiên cứu đầu tư một dây chuyền kéo sợi OE để sản xuất các loại sợi len đặc biệt. Dự kiến dây chuyền này đặt tại nhà máy len Biên Hòa hoặc một nơi khác phù hợp. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1,5 triệu USD, bao gồm cả phần cài tạo/xây mới nhà xưởng.
- Xem xét đầu tư bổ sung một số thiết bị chủ lực cho khu vực xe sợi, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Dự kiến mức đầu tư bổ sung khoảng 0,5 triệu USD.

- ➔ Như vậy, dự kiến tổng mức đầu tư cho các dự án trên là 5,0 triệu USD, chưa tính vốn lưu động.
 ➔ Thời gian triển khai: trong vòng 2 năm, từ 2018-2019.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Khái quát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016 là năm đầu của nhiệm kỳ thứ 3 của HĐQT công ty. Tuy nhiên, do một số yếu tố khách quan và chủ quan nên Đại hội cổ đông để bầu HĐQT nhiệm kỳ mới (2016 – 2020) mãi đến ngày 23/12/2016 mới được tổ chức.

Vì vậy, HĐQT nhiệm kỳ cũ tiếp tục duy trì chức năng quản trị doanh nghiệp đến hết năm 2016 và HĐQT nhiệm kỳ mới chỉ chính thức hoạt động kể từ đầu năm 2017.

Trước khi đánh giá tình hình hoạt động năm tài chính 2016, chúng tôi xin báo cáo trước ĐHCĐ khái quát thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty những năm trước đó, nhằm đánh giá mặt mạnh, mặt yếu, các tồn tại, để đề ra định hướng quản trị công ty và dự kiến kế hoạch SXKD cho năm 2017 và những năm tới.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU – KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2016 (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2016
Doanh thu	141.982
Lợi nhuận sau thuế	(9.395)
Nợ vay NH	51.561
Giá trị hàng tồn kho	56.920

@ Nhận xét, đánh giá:

- Từ nhiều năm trước đây, việc sản xuất của công ty đa phần không dựa trên kế hoạch/đơn hàng kinh doanh thực tế, mà chủ yếu sản xuất để

duy trì hoạt động của công ty là chính. Vì vậy đã dẫn đến lượng hàng tồn kho tăng dần theo hàng năm.

- Tỷ trọng giá vốn hàng bán/giá bán cao , chiếm từ 83% - 90% , nên lợi nhuận gộp không đủ trang trải chi phí quản lý QLĐN, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng.
- Hệ thống máy móc, thiết bị quá cũ kỹ, lạc hậu (có những thiết bị từ những năm 1960, 1970 vẫn còn tồn tại, thậm chí còn hoạt động); nhiều thiết bị không sử dụng đã bỏ lâu năm; nhà xưởng xuống cấp trầm trọng;... không thể đáp ứng các tiêu chuẩn, đánh giá của khách hàng; hiệu suất khai thác thấp nên chi phí sản xuất quá cao.
- Mẫu mã, mặt hàng đơn điệu, lạc hậu,...không thể cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành đã đi trước quá xa.
- Trong các năm qua, công ty đã hạch toán số tiền hơn 60 tỷ đồng vào thu nhập của công ty. Đây là nguồn thu nhập ngoài SXKD của công ty từ việc chuyển nhượng lợi thế thương mại của các khu đất, các đối tác đã hỗ trợ, đền bù để công ty có nguồn tài chính đầu tư phát triển sản xuất và trả nợ ngân hàng. Nhưng thực tế, nợ vay ngân hàng không giảm mà còn tăng đều qua các năm; các khoản đầu tư mới nhỏ lẻ vẫn phải thuê tài chính và không đưa vào sử dụng được hoàn toàn, nhiều máy không hoạt động kể từ ngày mua về;

➔ Tình trạng nợ phải trả đến 31/12/2016:

- Nợ nhà cung cấp: 11,43 tỷ đồng
- Nợ tiền thuê đất: 1,59 tỷ đồng
- Trợ cấp thôi việc: 165,69 triệu đồng

➔ Nợ vay ngân hàng tính đến 31/12/ 2016

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dư nợ 31/12/2016	Hạn mức tín dụng
1	Vay ngắn hạn	Đồng	49.939.081.408	50.000.000.000
	NH TMCP Á Châu (ACB)	Đồng	9.992.175.000	10.000.000.000
	NH TMCP Công Thương – CN11 (Vietinbank)	Đồng	29.967.636.775	30.000.000.000
2	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Đồng	1.621.562.496	0
	Trả trong 2016 – Vietcombank Leasing	Đồng	1.204.583.347	
	Trả trong 2017–2018 Vietcombank Leasing	Đồng	416.979.149	
	Cộng	Đồng	51.560.643.904	50.000.000.000

- ➔ Tình trạng nợ phải thu đến 31/12/2016: đối với khoản nợ phải thu mà công ty đã xuất trước hóa đơn, ghi nhận doanh thu và lợi nhuận nhưng không có khách hàng mua là 1,52 tỷ đồng. Để xóa khoản phải thu không có đối tượng này và hoàn nhập lại kho thì phát sinh lỗ 195,36 triệu đồng.
- Hàng tồn kho tại thời điểm 2007 đến 2016 tăng từ 26,2 tỷ đến 56,92 tỷ đồng (tăng 30,72 tỷ đồng).
- ➔ Cơ cấu giá trị hàng tồn kho đến ngày 31/12/2016 như sau:
 - Xơ, sợi các loại: #17 tỷ đồng
 - Mèn các loại: #12 tỷ đồng
 - Sản phẩm len các loại: #9 tỷ đồng
 - Khác: #18 tỷ đồng
- ➔ Giá trị nợ vay tăng tương đương giá trị hàng tồn kho tăng cùng kỳ.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

2-1. Nhà máy đan len Biên Hòa

- *Về năng lực:* gồm có 44 máy đan các loại, công suất bình quân 240.000 sản phẩm/ năm và 75 máy dệt bo, năng suất bình quân 960.000 bộ/năm.
- *Về thực hiện năm 2016:* chỉ sản xuất được 51.510 sản phẩm đan (đạt khoảng 22% năng lực) và 567.244 bộ sản phẩm bo (đạt khoảng 59% năng lực).

2-2. Nhà máy Sợi Vĩnh Thịnh:

- *Về năng lực:* Nhà máy có công suất bình quân 288 tấn sợi/năm (Nm 32/2) và 43 máy xe sợi công suất 2.400 tấn/năm.
- *Về thực hiện năm 2016:* đạt 99,14 tấn sợi và 1.777 tấn sợi xe.

2-3. Nhà máy Bình Lợi

- *Về năng lực:* có 24 máy dệt mèn, công suất bình quân 480.000 cái/năm; 6 máy dệt kim vải lông thú, công suất bình quân 72.000 mét/năm
- *Về thực hiện 2016:* chỉ sản xuất được 47.780 mèm các loại và 18.075 mét vải lông thú.

2-4. Cửa hàng 237 Lê Thánh Tôn:

Năm 2016, doanh thu cửa hàng đạt 811 triệu nhưng chi phí lên đến 1,82 tỷ đồng, lỗ hơn 1,0 tỷ đồng.

➔ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tăng/giảm so với KH (%)
Tổng doanh thu	235.763	142.770	(39,44%)
Tổng chi phí	232.263	152.165	(34,4%)
Lợi nhuận sau thuế	3.500	(- 9.395)	
Lũy kế lỗ đến 31/12/2016		(-14.086)	

➔ Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh: (năm 2016 và lũy kế)

- Lỗ thực tế trong sản xuất kinh doanh: (-6,113) tỷ đồng
- Lỗ do xử lý hàng thiểu (do nhập kho khống): (-3,282) tỷ đồng
- Lỗ do hồi tố giá trị khấu hao các năm trước: (-5,326) tỷ đồng
(Lũy kế lỗ 2016 14,086 tỷ: (9,395 +5,326-lãi còn lại các năm trước 0,635 tỷ).

b- Thực hiện các chỉ tiêu:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch được giao	Thực hiện	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	233.000	142.771	61,00
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	235.763	141.982	60,22
3	Kim ngạch xuất khẩu	1.000USD	3.355	2.572	
4	Sản phẩm chủ yếu				
	- Sợi len các loại	Tấn	3.465	99,14	
	- Sợi gia công	Tấn		1.777,00	
	- Mèn các loại	Cái	220.000	47.780	
	- Sản phẩm đan dệt	Cái	258.000	51.510	
	- Bo	Bộ		567.244	
	- Vải lông thú	mét		18.075	
5	Thu nhập bình quân	Đồng	5.500.000	7.014.420	127,53
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	5.708	6.253	109,55
	Trong đó : Thuế TNDN	Triệu đồng		99	
7	Lợi nhuận	Triệu đồng	3.500	(9.395)	
	* Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng		(9.395)	
8	Tỷ suất lợi nhuận/ vốn ĐLệ	%	29.26%	(0, 229)	

1. Tổ chức nhân sự

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Nam /nữ	Quê quán	Loại cổ đông	Quan hệ với CĐNB	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay	Số chứng khoán nắm giữ
Phạm Văn Tân	9/4/1956	Nam	Tiền Giang	Nội bộ		218/17 Minh Phụng - P.6-Q.6	Đại học	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc	286.300
Lê Quốc Liệt	6/8/1959	Nam	Bình Dương	Nội bộ		6 A1/2 Đinh Bộ Lĩnh, P.4, Bình Thạnh	Đại học	PCT. HĐQT, kiêm P. Tổng Giám Đốc	72.200
Hồ Thị Thu Cúc	20/7/1959	Nữ	TP HCM	Nội bộ		601/20/17 CMT8, P.15.Q.10	Đại học	UV. HĐQT kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc	48.000
Lê Văn Anh	15/11/1969	Nam	TP HCM	Nội bộ		769/121B Phạm Thế Hiển, P.4, Q.8	Đại học	UV. HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành Cty.	59.000
Lê Hoàng Anh	14/3/1965	Nữ	Quảng Trị	Nội bộ		6 lô B khu Lê Thị Riêng, cư xá Bắc Hải P.15, Q.10	Đại học	Phó Ban Kỹ thuật Công nghệ	
Bùi Văn Hải	7/8/1959	Nam	Hà Nam	Nội bộ		15/52 Đường số 9 P.16, Q. Gò Vấp	Đại học	Trưởng Ban kiểm soát	20.500
Nguyễn Thị Chín	10/8/1970	Nữ	Bình Định	Nội bộ		58/3/14 Phan Văn Trị - P.10-Gò Vấp	Đại học	PT. kế Toán	900

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số CBCNV : 231 , Trong đó nữ : 145

+ Số lao động đã ký HĐLĐ : 231

_ **Tóm tắt chính sách đối với người lao động :**

+ Thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật như : BHXH, BHYT, BHTN; các chế độ ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.

+ Xây dựng và điều chỉnh đơn giá lương kịp thời.

+ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách trợ cấp, thăm viếng, hiếu hỷ, ... theo thỏa ước lao động tập thể : thăm hỏi người lao động bị ốm đau, bị tai nạn, người lao động kết hôn, trợ cấp khó khăn đột xuất

+ Công ty và các tổ chức đoàn thể luôn quan tâm và tặng quà cho các chi em phụ nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .

Trong năm Công ty đã đầu tư 15 máy đan tự động, 18 máy đan bán tự động đưa tổng số máy đan tự động lên 71 máy, 33 máy đan bán tự động .Tổng giá trị đầu tư 2.317.827.858 đồng.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị tồn tài sản	Triệu đồng	93.933	95.584	101,76
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	74.386	141.982	190,87
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(982)	(4.346)	(442,56)
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.108	(5.049)	
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	127	(9.395)	
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28	(9.395)	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	1,5%	0%	

B - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,18	0,99	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	0,22	0,16	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,607	0,718	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,544	2,552	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq	1,16	2,34	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,79	1,48	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0004	(0,066)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0007	(0,349)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0003	(0,098)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,013)	(0,031)	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: (Nếu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 41.000.000 cổ phần – đang chuyển nhượng tự do.
- Loại cổ phần đang lưu hành : Phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: (Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.)

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phân theo CĐ nhà nước và khác	4.100.000	100,00
Cổ đông nhà nước	2.753.120	67,15
Cổ đông khác	1.346.880	32,85
Phân theo CĐ tổ chức và cá nhân	4.100.000	100,00
Tổ chức	2.893.120	70,56
Cá nhân	1.206.880	29,44

3. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

(Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	So sánh tăng giảm%
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>				
Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	29,33	28,65	97,68
Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	69,46	70,75	101,86
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>				
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	60,69	71,84	118,37
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	39,31	28,16	71,64

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả	31-12-2015	31-12-2016	So sánh tăng giảm%
I- Nợ ngắn hạn	55.189.442.502	68.037.952.587	123,28
1- Vay và nợ ngắn hạn	43.083.766.936	51.126.060.580	118,67
2- Phải trả người bán	6.854.434.613	11.432.991.990	166,80
3- Người mua trả tiền trước	48.144.856	147.113.346	305,56
4- Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	3.338.487.451	1.601.180.218	47,96
5- Phải trả người lao động	1.359.705.762	2.838.562.293	208,76
6- Chi phí phải trả	181.928.146	192.813.129	105,98
7- Các khoản phải trả phải nộp khác	322.974.738	699.231.031	216,50
II- Nợ dài hạn	1.819.562.496	632.583.324	34,76
1- Vay và nợ dài hạn	1.621.562.496	434.583.324	26,80
2- Phải trả dài hạn khác	198.000.000	198.000.000	100
Tổng cộng	57.009.004.998	68.670.535.911	120,45

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Các khoản nợ	31-12-2015	31-12-2016	So sánh tăng giảm%
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.480.754.389	9.034.370.306	78,69
1. Phải thu khách hàng	10.955.377.028	8.012.027.768	73,13
2. Trả trước cho người bán	67.738.680	14.057.000	20,75
3.Các khoản phải thu khác	923.457.363	1.474.104.220	159,63
4.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *	(465.818.682)	(465.818.682)	100,00

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	So sánh tăng giảm%
Doanh thu thuần	đồng	74.386.479.498	141.982.017.850	190,87
Lợi nhuận gộp	đồng	12.740.961.942	13.578.158.559	106,57
Tỷ trọng lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	17,13	9,56	55,81
Chi phí lãi vay	đồng	3.323.977.116	4.293.523.354	129,17
Tỷ trọng chi phí lãi vay /Lợi nhuận gộp	%	26,09	31,62	121,19

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Công ty theo sơ đồ quản lý trực tuyến gồm 4 phòng ban và 3 nhà máy.
- Tổ chức, sắp xếp lại lao động cho nhà máy chăn len Bình Lợi, Nhà máy Đan và nhà máy sợi- xe.
- Bố trí lao động hợp lý cho dây chuyền sản xuất sợi AC, dây chuyền sản xuất sợi se của Nhà máy sợi - xe. Đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng sản phẩm sợi AC, sợi AC pha Wool, sợi Wool 100% và sợi Wool pha PE .
- Xây dựng lại hệ thống thang bảng lương mới của toàn Công ty , với mức lương tối thiểu vùng 3.750.000 đồng , trên cơ sở thang bảng lương mới , xếp lại lương cho toàn thể cán bộ công nhân viên công ty , ký kết lại hợp đồng lao động làm cơ sở cho việc đóng BHXH. Rà xét

lại đơn giá tiền lương cho từng sản phẩm tại nhà Đan. nhà máy sợi - xe, nhà máy Chăn len Bình Lợi. Công khai cho người lao động biết để phản ánh tăng năng suất, tăng thu nhập.

- Tiết kiệm triệt để chi phí sản xuất. Điều hành quỹ lương theo hiệu quả sản xuất của từng nhà máy. thu nhập của người lao động phải gắn liền với hiệu quả của từng nhà máy.
 - Nâng cấp máy móc thiết bị, xây dựng lịch xích tu sửa, tập trung khai thác triệt để máy móc, thiết bị, nhà xưởng hiện có để tăng doanh thu.
 - Chấn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng, định mức tiêu hao nguyên phụ liệu, giảm chi phí nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu, nhằm giảm giá thành ,tăng sức cạnh tranh về giá cả trên thị trường. Chú trọng giảm tiêu hao nguyên liệu chính sản xuất sợi AC xuống 5%. Và tiêu hao sợi đan áo xuống 8% .
 - Tập trung nghiên cứu và phát triển sợi len cao cấp.
 - Về đan dệt : Củng cố bộ phận nghiên cứu, thiết kế mẫu mã. Mở rộng việc chào bán và giới thiệu sản phẩm đan dệt. Chú ý thiết kế sản phẩm áo đan đủ các kích cỡ đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng . Có giá bán hợp lý , tránh tình trạng đưa giá bán quá cao tiêu thụ chậm . Hàng tồn kho hiện nay tiếp tục giảm giá để tiêu thụ .
 - Tiếp tục cho thuê nhà xưởng không có nhu cầu sử dụng tại nhà máy chăn len Bình Lợi . nhà máy len Biên Hòa. Để bù đắp một phần chi phí thuê đất của 2 Nhà máy này
 - Thực hiện nhượng bán những máy móc thiết bị không còn sử dụng tại 3 Nhà máy , thu hồi vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
 - Đẩy mạnh tiêu thụ sợi len Acrylic , mền và áo còn tồn kho .
3. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

4. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Kết quả lợi nhuận năm 2016 không đạt do khó khăn về thị trường tiêu thụ, giá vật tư, chi phí đầu vào tăng cao nên hiệu quả đạt thấp.
- Chi phí phải trả cho người lao động lâu năm nghỉ việc cao.
- Chi phí thuê đất đai tăng cao.
- Tuy nhiên Công ty vẫn đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Tích cực tiêu thụ hàng tồn kho,

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của nhà nước về luật lao động, luật kế toán, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát công ty kiểm tra các vấn đề:

- HĐQT đã chỉ đạo ban TGĐ hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2016.
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.
- Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng yêu cầu về nguồn lực cho hoạt động của công ty.
- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

II. Đánh giá thuận lợi, khó khăn từ năm 2017 và các năm sau.

Sau nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện nay tình hình của công ty là đặc biệt khó khăn về hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Với tình hình này, công ty rất khó có thể tiếp tục sản xuất kinh doanh như một doanh nghiệp bình thường được nữa. Vì các lý do sau đây:

- *Về tài chính:*

Từ đầu năm 2017, toàn bộ hạn mức tín dụng mà công ty đang có (khoảng 50 tỷ đồng) đã được công ty vay hết từ trước và tất cả các Ngân hàng này đều không cho vay tiếp và ráo riết tiến hành thu nợ. Một đơn vị sản xuất kinh doanh mà không có nguồn tín dụng thì không thể hoạt động bình thường được.

- *Về sản xuất:*

Hầu hết các máy móc thiết bị, công cụ, nhà xưởng trong công ty đều cũ kỹ, thiếu thốn, manh mún, lạc hậu. Có những thiết bị đã hoạt động trên 40, 50 năm,... Vì vậy công ty khó có thể cạnh tranh với hầu hết các đối thủ hiện nay trong nước, vì giá thành cao, năng suất thấp, mẫu mã đơn điệu và chất lượng sản phẩm chỉ đạt ở mức trung bình.

- *Về cơ cấu sản phẩm:*

Các sản phẩm chủ lực của công ty đều không theo kịp với xu hướng phát triển của thị trường, không đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng nên không nhận được những đơn hàng có giá trị.

- *Về mặt bằng sản xuất:*

Trong nhiều năm qua, mặt bằng nhà xưởng ở Nhà máy Bình Lợi đã tiến hành hợp tác với các đối tác để chuẩn bị triển khai dự án BDS; nhà xưởng của Nhà máy Len Biên Hòa không được chính quyền sở tại cho phép đầu tư mở rộng vì địa phương thay đổi qui hoạch...*Đây là một trong những trở ngại rất lớn cho sự duy trì và phát triển của công ty trong những năm qua.*

III. Định hướng phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017

4. *Về việc trả nợ vay:*

- Ưu tiên tìm nguồn tài chính để trả các khoản nợ vay để giảm nhanh chi phí trả lãi vay. Biện pháp cấp bách là cần nhanh chóng thanh lý toàn bộ hàng hóa tồn kho, các máy móc thiết bị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ vay.
- Việc thanh lý hàng hóa tồn kho phải tuân thủ các thủ tục đúng qui định: Ban thanh lý chịu trách nhiệm chào bán, chọn lọc người mua, để xuất giá bán,...; trình HĐQT công ty; và trình HĐQT Tập đoàn dệt may Việt Nam (thông qua người ĐDV).

5. *Về cơ cấu lại khu vực sản xuất và đơn giá gia công:*

- Chấm dứt SXKD các đơn vị, các địa điểm không đạt hiệu quả: Nhà máy Bình Lợi, cửa hàng 237 Lê Thánh Tôn.
- Cải tổ khu vực đan len nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Xây dựng lại giá bán, giá gia công đối với xưởng đan len, xưởng sợi xe,... với mục tiêu chỉ sản xuất, gia công khi có đơn đặt hàng đảm bảo hiệu quả ; Không sản xuất khi chưa có đơn đặt hàng, không sản xuất lỗ.
- Giá gia công đã được đàm phán lại tăng từ 10% ~ 30%, nguồn hàng ổn định;
- Thương lượng đàm phán lại giá nguyên vật liệu đầu vào, mục tiêu giảm tối thiểu 10%

6. Về đầu tư, phát triển:

- Về nguồn vốn:

Sau khi thanh lý hàng hóa, tài sản,... để trả hết nợ vay, *nếu công ty vượt qua được những vấn đề liên quan đến nợ nần đã được giải quyết ổn thỏa, công ty sẽ tiến hành cơ cấu lại nguồn vốn CSH* bằng cách huy động vốn mới từ nhiều nguồn (nhà đầu tư mới, nguồn tín dụng mới), dưới nhiều hình thức (trực tiếp, gián tiếp, liên doanh, liên kết,...) nhằm mục đích tái đầu tư, phục hồi sản xuất với cơ cấu mặt hàng mới phù hợp với thị trường, khách hàng tiềm năng, như: *sản xuất sợi len chải kỹ; sợi len chải thô; các loại sợi len đặc biệt có giá trị cao,...*

- Về đầu tư dự án:

- Trên cơ sở các thiết bị kéo sợi hiện có, công ty sẽ tiến hành cải tạo, nâng cấp các thiết bị cũ và bổ sung thiết bị mới để hình thành một dây chuyền sợi chải kỹ. Dự kiến dây chuyền này có công suất khoảng 300 tấn/năm, tổng mức đầu tư khoảng 2,0 triệu USD, bao gồm cả phần cải tạo nhà xưởng.
- Đánh giá lại toàn bộ Nhà máy đan len để tiến hành nâng cấp và bổ sung thiết bị hiện đại, nhằm cạnh tranh và giảm giá thành sản phẩm. Dự kiến mức đầu tư cho dự án này khoảng 1,0 triệu USD.
- Nghiên cứu đầu tư một dây chuyền kéo sợi OE để sản xuất các loại sợi len đặc biệt. Dự kiến dây chuyền này đặt tại nhà máy len Biên Hòa hoặc một nơi khác phù hợp. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1,5 triệu USD, bao gồm cả phần cải tạo/xây mới nhà xưởng.
- Xem xét đầu tư bổ sung một số thiết bị chủ lực cho khu vực xe sợi, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Dự kiến mức đầu tư bổ sung khoảng 0,5 triệu USD.

➔ Như vậy, dự kiến tổng mức đầu tư cho các dự án trên là 5,0 triệu USD, chưa tính vốn lưu động.

➔ Thời gian triển khai: trong vòng 2 năm, từ 2018-2019.

7. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2017

Trong năm 2017, công ty cần phải thanh lý toàn bộ các hàng hóa tồn kho và máy móc thiết bị (đã thế chấp) để trả nợ vay, nên kết quả tài chính chắc chắn bị lỗ rất lớn. Cụ thể như sau:

1. CÁC CHỈ TIÊU DỰ KIẾN KẾT QUẢ SXKD 2017
2. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2016	KẾ HOẠCH 2017
Tổng doanh thu	142,77	42,60
Tổng chi phí	152,16	48,50
Lỗ:	(9,395)	(5,90)
+ Sản xuất kinh doanh:	(4,252)	(0,00)
+ Chi phí công nhân nghỉ việc:	(0,850)	(2,20)
+ Chi phí lãi vay:	(4,293)	(3,70)

3. Thanh lý bán hàng tồn kho trả nợ vay

(Dự kiến mức thu được bằng 20-50% giá vốn)

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	GIÁ VỐN	Tỷ lệ % dự kiến thu hồi trên giá vốn	GIÁ TRỊ THU HỒI	LỖ
Sợi	19.680	50%	9.840	(9.840)
Mèn	10.174	50%	5.087	(5.087)
Vải lông thú	2.702	20%	0.540	(2.162)
Sản phẩm đan	8.852	20%	1.770	(7.082)
Sản phẩm khác	7.392	20%	1.478	(5.914)
Phụ tùng	2.338	0%	-	(2.338)
Tổng cộng	51.138		18.715	(32.423)

4. Chỉ tiêu thực tế thực hiện năm 2017 (1+2):

(*Dự kiến sẽ thanh lý toàn bộ trong năm 2017*)
 Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2016	KẾ HOẠCH 2017
Tổng doanh thu	142.770	61.315
+ Sản xuất kinh doanh	142.770	42.600
+ Thanh lý hàng tồn kho	0	18.715
Tổng chi phí	152.165	99.638
+ Sản xuất kinh doanh	152.165	48.,500
+ Thanh lý hàng tồn kho	0	51.138
Lỗ	(9.395)	(38.323)
+ Sản xuất kinh doanh	(9.395)	(5.900)
+ Thanh lý hàng tồn kho	0	(32.423)

5. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (*danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác*).

Danh sách HĐQT	Ghi chú	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Số cổ phần đại diện tổ chức	Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân	Số cổ phần thuộc sở hữu của những người có liên quan	Cộng	Tỷ lệ sở hữu / vốn điều lệ (%)	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
Phạm Văn Tân	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm	1.728.131		286.300		2.014.431	49,13	
Lê Quốc Liệt	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm	614.993		72.200		687.193	16,76	

Hồ Thị Thu Cúc	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm		48.000		48.000	1,17	
Lê Văn Anh	V.HĐQ T có kiêm nhiệm		59.000		59.000	1,44	
Lê Hoàng Anh	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm	409.996			409.996	10,00	
CỘNG		2.753.120	465.500		3.218.620	78,50	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (*Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban*).

- Hội đồng quản trị không tổ chức thành các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Số thứ tự	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Phạm Văn Tân	CT. HĐQT	19	100%	
2	Lê Quốc Liệt	PCT. HĐQT	19	100%	
3	Hồ Thị Thu Cúc	UV. HĐQT	19	100%	
4	Lê Văn Anh	UV. HĐQT	19	100%	
5	Lê Hoàng Anh	UV. HĐQT	19	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

Số thứ tự	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/BB/HĐQT-LVN	15/02/2016	V/v Vay tổ chức và cá nhân bên ngoài với hạn mức là một tỷ đồng
2	01 a/BB/HĐQT-LVN	22/02/2016	V/v Đầu tư máy đan bo, máy đan bán tự động, đầu máy đan
3	01 b/BB/HĐQT-LVN	15/03/2016	V/v Báo cáo tình hình quản trị năm 2015
4	02/BB/HĐQT-LVN	29/03/2016	V/v Vay vốn và cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank
5	03/BB/HĐQT-LVN	29/03/2016	V/v Thông qua Kế hoạch SXKD 2016 của Tập đoàn Dệt May VN
6	04/BB/HĐQT-LVN	02/04/2016	V/v Tăng nhu cầu Vay vốn tại ngân hàng Vietinbank
7	05/BB/HĐQT-LVN	09/04/2016	V/v Báo cáo kế hoạch SXKD 2015, lợi nhuận và dự kiến chia cổ tức năm 2016
8	06/CV/HĐQT-LVN	11/04/2016	V/v Xin ý kiến chỉ đạo Đại hội cổ đông 2016
9	07/CV/HĐQT-LVN	04/2016	Báo cáo thường niên 2015

10	08/BB/HĐQT-LVN	06/05/2016	Biên bản Đại hội cổ đông 2016
11	09/BB/HĐQT-LVN	16/05/2016	V/v Vay vốn và cấp tín dụng tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
12	10/BB/HĐQT-LVN	03/06/2016	V/v Vay vốn và cấp tín dụng tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
13	11/BC/HĐQT-LVN	06/07/2016	V/v Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng năm 2016
14	12/BB/HĐQT-LVN	08/09/2016	V/v Biên bản thỏa thuận thực hiện hoàn tất các nội dung khai thác quỹ đát ngày 9/1/2007 và phương án ký kết hợp đồng liên doanh thành lập pháp nhân mới.
15	13/BB/HĐQT-LVN	26/09/2016	V/v Vay vốn và cấp tín dụng tại ngân hàng Vietbank
16	14/BB/HĐQT-LVN	07/10/2016	V/v Cử ông Phạm Văn Tân tham gia HĐQT và đại diện góp vốn của Công ty CP Len Việt Nam tại Pháp nhân mới theo hợp đồng liên doanh số 227/2016/HĐQT-PPD-LENVIET ngày 07/10/2016
17	15/BB/HĐQT-LVN	05/12/2016	V/v Đại hội cổ đông bất thường 2016
18	16/BB/HĐQT-LVN	23/12/2016	Biên bản Đại hội cổ đông bất thường 2016
19	17/BB/HĐQT-LVN	23/12/2016	V/v Thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (*đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp*).
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (*danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành*).

Danh sách Ban kiểm soát	Chức danh	Số cổ phần sở hữu cá nhân	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
Bùi Văn Hải	Trưởng ban	20.500		20.500	0,5
Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên				
Vũ Quốc Lập	Thành viên	130.000		130.000	3,17

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (*đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp*).

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát 5 năm (2011 – 2015). Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi quý / lần theo điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

b1) Nội dung các cuộc họp

- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý
- Đánh giá hoạt động của HĐQT , Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện rủi ro , thiếu sót , từ đó đưa ra các kiến nghị . Kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính về tính hợp lý , hợp pháp và trung thực của các số liệu tài chính

b2) Kết quả cuộc họp của Ban kiểm soát :

- Đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho.
- Giảm dần dư nợ vay ngắn hạn từ đó giảm chi phí lãi vay.
- **Nâng cao sản lượng sản xuất, chất lượng và tiêu thụ sợi AC.**
- **Bố trí lao động hợp lý, tăng cường hiệu quả sử dụng máy se của 2 nhà máy sợi - xe và Dệt chăn Bình Lợi.**
- Mở rộng thị trường nội địa cho mặt hàng chăn mền, tìm đại lý để tiêu thụ áo len.
- Đẩy mạnh xuất khẩu mền 1 da, áo len.
- Tăng cường công tác điều độ sản xuất, chú trọng khâu tổ chức, chuẩn bị, phục vụ cho sản xuất với yêu cầu – kịp thời – đầy đủ chính xác, nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống máy đan tự động đã được đầu tư.
- Nộp thuế đất còn tồn đọng, tránh bị phạt.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương(đ)	Thưởng (đ)	Thù lao (đ)
1	Phạm Văn Tân	Chủ tịch HĐQT, Tổng GĐ	275.165.038	20.350.000	65.809.000
2	Lê Quốc Liệt	P. Chủ tịch HĐQT, Phó TGĐ	233.313.200	17.525.000	52.646.000
3	Hồ Thị Thu Cúc	TVHĐQT, Giám đốc ĐH	133.750.000	10.211.000	43.872.000
4	Lê Văn Anh	TVHĐQT, Giám đốc NM	181.453.000	13.658.000	43.872.000
5	Lê Hoàng Anh	TVHĐQT			43.872.000
6	Bùi Văn Hải	Trưởng BKS	171.211.000	12.869.000	43.872.000
7	Vũ Quốc Lập	TV BKS			30.712.000
8	Trần Thị Ngọc Dung	TV BKS			30.712.000

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (*Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên*).

Trong năm không có giao dịch nào phát sinh

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý, trên **các khía cạnh trọng yếu** tình hình tài chính của Công ty cổ phần Len Việt Nam **tại ngày 31/12/2016**, cũng như **kết quả hoạt động kinh doanh** và **tình hình lưu chuyển tiền tệ** cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.) được đăng trên website .

Xác nhận của đại diện theo pháp



Lê Thanh Liêm